

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 9 năm 2019

ĐIỂM THI

PHẦN V.3: NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC MTTQ VÀ ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN Ở CƠ SỞ
LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 10, TẠI ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ BÌNH

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Vân Anh	1	58	8.0	Tám	
2	Phạm Thị Vân Anh	2	47	8.0	Tám	
3	Trần Thị Ánh	3	88	7.5	Bảy rưỡi	
4	Dương Thị Bẩy	4	51	7.5	Bảy rưỡi	
5	Đinh Hồng Cảnh	5	04	7.5	Bảy rưỡi	
6	Đào Thị Châm	6	15	7.5	Bảy rưỡi	
7	Nguyễn Hữu Duân	7	11	7.5	Bảy rưỡi	
8	Dương Thị Duyên	8	48	8.0	Tám	
9	Trần Thị Duyên	9	57	8.0	Tám	
10	Giáp Thị Đạo	10	76	7.5	Bảy rưỡi	
11	Nguyễn Xuân Đông	11	18	7.5	Bảy rưỡi	
12	Đồng Văn Đức	12	75	7.0	Bảy	
13	Nguyễn Đắc Giáp	13	56	7.5	Bảy rưỡi	
14	Nguyễn Thị Hà	14	26	8.0	Tám	
15	Nguyễn Duy Hải	15	21	7.0	Bảy	
16	Nguyễn Minh Hải	16	24	6.5	Sáu rưỡi	
17	Vũ Thị Hạnh	17	64	7.0	Bảy	
18	Nguyễn Thị Hảo	18	25	7.5	Bảy rưỡi	
19	Dương Thị Hoa	19	77	7.5	Bảy rưỡi	
20	Dương Kim Hiến	20	85	8.0	Tám	
21	Hoàng Nam Hiến	21	68	7.5	Bảy rưỡi	
22	Dương Đình Hiến	22	34	7.5	Bảy rưỡi	
23	Đào Đại Hiến	23	28	7.5	Bảy rưỡi	



✓

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
24	Nguyễn Thị Thu Hiền	24	33	7.5	Bảy rưỡi	
25	Nguyễn Trung Hiếu	25	41	7.5	Bảy rưỡi	
26	Lý Thị Hòa	26	81	7.5	Bảy rưỡi	
27	Nguyễn Văn Hồng	27	37	7.5	Bảy rưỡi	
28	Dương Tuấn Huệ	28	67	7.5	Bảy rưỡi	
29	Dương Nghĩa Hưng	29	45	7.5	Bảy rưỡi	
30	Dương Thị Hương	30	43	7.5	Bảy rưỡi	
31	Nguyễn Thị Bích Hương	31	50	7.5	Bảy rưỡi	
32	Nguyễn Văn Huy	32	66	6.5	Sáu rưỡi	
33	Lý Thị Minh Kết	33	38	8.0	Tám	
34	Vũ Hữu Kiên	34	20	6.5	Sáu rưỡi	
35	Nguyễn Thị Lê	35	83	7.0	Bảy	
36	Dương Thị Liên	36	49	8.0	Tám	
37	Nguyễn Thị Linh	37	62	8.0	Tám	
38	Trương Thị Linh	38	74	7.5	Bảy rưỡi	
39	Lê Mai Loan	39	84	7.5	Bảy rưỡi	
40	Đào Ngọc Luân	40	60	8.0	Tám	
41	Hoàng Thị Lương	41	69	7.0	Bảy	
42	Vũ Thị Luyến	42	13	8.0	Tám	
43	Nguyễn Thị Mẫn	43	02	8.0	Tám	
44	Lê Dương Mười	44	42	7.0	Bảy	
45	Ngô Thị Nam	45	46	8.0	Tám	
46	Nguyễn Thành Ngọc	46	01	7.5	Bảy rưỡi	
47	Lương Thị Minh Nguyệt	47	59	7.5	Bảy rưỡi	
48	Hoàng Thanh Nhân	48	31	7.0	Bảy	
49	Nguyễn Khắc Nhị	49	19	7.5	Bảy rưỡi	
50	Dương Thị Nhiều	50	44	6.0	Sáu	
51	Vũ Thị Nhu	51	86	7.5	Bảy rưỡi	
52	Vũ Ngọc Nhung	52	55	7.5	Bảy rưỡi	
53	Dương Thị Phượng	53	14	7.5	Bảy rưỡi	
54	Nguyễn Hồng Quân	54	63	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
55	Nguyễn Văn Quyền	-	-	-	-	Thôi học
56	Nguyễn như Quỳen	55	32	8.0	Tám	
57	Phạm Thị Như Quỳnh	56	03	8.0	Tám	
58	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	57	12	7.5	Bảy rưỡi	
59	Nguyễn Thị Quỳnh	58	89	8.0	Tám	
60	Trần Thúy Quỳnh	59	71	8.0	Tám	
61	Vũ Thị Quỳnh	60	61	7.5	Bảy rưỡi	
62	Nguyễn Văn Sáu	61	29	7.5	Bảy rưỡi	
63	Nguyễn Thị Sinh	62	90	7.0	Bảy	
64	Vũ Thị Tâm	63	22	7.5	Bảy rưỡi	
65	Bùi Thị Thái	64	72	8.0	Tám	
66	Bùi Tiến Thành	65	52	7.0	Bảy	
67	Trần Văn Thành	66	09	6.5	Sáu rưỡi	
68	Hoàng Thị Thay	67	78	7.5	Bảy rưỡi	
69	Dương Thị Kim Thoa	68	06	7.0	Bảy	
70	Nguyễn Thị Thu	69	08	7.5	Bảy rưỡi	
71	Nông Văn Thuận	70	30	6.0	Sáu	
72	Nguyễn Thị Thúy	71	70	8.0	Tám	
73	Dương Trọng Thủy	72	10	7.0	Bảy	
74	Đặng Thị Thu Trang	73	35	8.0	Tám	
75	Kiều Thị Thu Trang	74	07	8.0	Tám	
76	Nguyễn Thị Trang	75	27	8.0	Tám	
77	Dương Thị Trọng	76	73	8.0	Tám	
78	Dương Minh Trung	77	39	7.0	Bảy	
79	Dương Thị Tư	78	87	8.0	Tám	
80	Dương Thanh Tuấn	79	53	7.0	Bảy	
81	Nguyễn Mạnh Tuấn	80	79	8.0	Tám	
82	Trần Văn Tuấn	81	36	8.0	Tám	
83	Phan Phi Tùng	82	40	7.0	Bảy	
84	Nguyễn Thị Tường	83	54	8.0	Tám	
85	Phạm Thanh Tuyền	84	65	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
86	Nguyễn Ngọc Văn	85	05	7.5	Bảy rưỡi	
87	Ngô Quang Tuyền	-	-	-	-	Thôi học
88	Nguyễn Văn Vệ	86	82	8.0	Tám	
89	Dương Văn Việt	87	17	7.0	Bảy	
90	Đào Đăng Việt	88	16	7.0	Bảy	
91	Hà Thị Xiêm	89	23	7.0	Bảy	
90	Phùng Thị Kim Oanh	90	80	8.0	Tám	Phần V.3 -K45KTT

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Phúc Ái

**KHOA XÂY DỰNG ĐẢNG
TRƯỞNG KHOA**



Ngô Thị Hồng Nhung

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên

